

Bài 14. ĐÔNG NAM Á - ĐẤT LIỀN VÀ HẢI ĐẢO

I. MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần biết :

- Làm việc với lược đồ, biểu đồ, ảnh để nhận biết lãnh thổ, vị trí khu vực Đông Nam Á trong châu Á : gồm phần bán đảo, hải đảo ở Đông Nam Á ; vị trí trên toàn cầu : trong vòng đai xích đạo và nhiệt đới, nơi tiếp giáp giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương và là cầu nối châu Á với châu Đại Dương ;

- Một số đặc điểm tự nhiên của khu vực : địa hình đồi núi là chính, đồng bằng châu thổ màu mỡ ; khí hậu nhiệt đới, nhiệt đới ẩm gió mùa ; đa số sông ngắn có chế độ nước theo mùa ; rừng rậm thường xanh chiếm phần lớn diện tích.

- Liên hệ với các kiến thức đã học để giải thích một số đặc điểm tự nhiên về khí hậu nhiệt đới, nhiệt đới gió mùa ; chế độ nước sông và rừng rậm nhiệt đới của khu vực.

II. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN CHÚ Ý CỦA BÀI HỌC

1. Trọng tâm bài

- Vị trí địa lí, lãnh thổ của khu vực Đông Nam Á và ý nghĩa của chúng.

- Các đặc điểm tự nhiên.

2. Nội dung chi tiết

- Khu vực Đông Nam Á được nhìn nhận như “cầu nối” giữa châu Á với châu Đại Dương một phần do nhìn trên bản đồ thế giới phần bán đảo kéo dài của Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po với các hải đảo của In-đô-nê-xi-a, của Niu Ghi-nê tới Ô-xtrây-li-a tạo nên hình tượng của cây cầu không liền mạch giữa hai châu lục này ; mặt khác nhiều tuyến đường thuỷ, hàng không nối giữa các châu lục, đại dương đi qua đây. Chuyến vượt biển vòng quanh thế giới đầu tiên của Ma-gien-lăng năm 1521 đã qua các biển của khu vực và qua eo Ma-lác-ca để đi sang Ấn Độ Dương. Trong một cuộc chiến với dân cư trong vùng, Ma-gien-lăng đã bị giết, tuy vậy sau đó người Tây Ban Nha vẫn chiếm được một số đảo, biến chúng thành thuộc địa và đặt tên Phi-líp-pin để tỏ lòng kính trọng tới vua Phi-líp II của nước này. Tên nước Phi-líp-pin vẫn được giữ cho tới ngày nay. Quần đảo này cùng với quần đảo In-đô-nê-xi-a có tên gọi chung là quần đảo Ma-lay-a (Mã Lai).

- Xác định các điểm cực của khu vực Đông Nam Á :
- + Điểm cực Bắc lấy địa điểm tận cùng về phía bắc của Mi-an-ma, trên biên giới của nước này với Trung Quốc, vĩ tuyến 28,5° Bắc.
- + Điểm cực Tây lấy địa điểm tận cùng phía tây của Mi-an-ma, gần bờ biển vịnh Ben-gan, trên biên giới với Băng-la-đet, kinh tuyến 92° Đông.
- + Điểm cực Nam lấy điểm lui về phía nam của phần tây đảo Ti-mo, thuộc In-đô-nê-xi-a, vĩ tuyến 10,5° Nam.
- + Điểm cực Đông lấy biên giới của In-đô-nê-xi-a trên đảo I-ri-an (còn có tên Niu Ghi-nê). Đây là đảo lớn thứ nhì trên thế giới (cùng với các đảo ven bờ rộng 413 000 km²) sau đảo Grơn-len, nằm ở phía bắc lục địa Ô-xtrây-li-a, phần tây của đảo thuộc In-đô-nê-xi-a, kéo dài đến kinh tuyến 140° Đông ; phần đông của đảo thuộc nước Pa-pua Niu Ghi-nê.

- Lãnh thổ Đông Nam Á nằm trên vùng vỏ Trái Đất không ổn định. So sánh với bản đồ các khối địa mảng ta thấy ở khu vực này đang diễn ra hiện tượng hai khối địa mảng chồm lên nhau. Do đó dẫn đến sự xuất hiện động đất và núi lửa thường xuyên ở đây. Ở In-đô-nê-xi-a có tới 500 núi lửa, 170 ngọn đang hoạt động, riêng đảo Gia-va có 126 ngọn núi lửa xếp thành hàng dọc theo đường sống lưng của đảo. Núi lửa Pi-na-tu-bo của Phi-líp-pin nằm ở phía bắc thủ đô Ma-ni-la hoạt động trở lại ngày 15-7-1991, đã tung cột khói cao tới 25 dặm (khoảng trên 40 km), trong một tuần đã phun dung nham tràn ngập các dòng sông, đường sá, làng mạc, đồng ruộng, phá huỷ hàng nghìn ngôi nhà của nhân dân trong vùng. Chính phủ phải xây dựng các làng tạm để nhân dân cư trú. Trong vài năm dung nham ngội dãn, bị phong hoá và trở thành đất trồng màu mỡ.

III. CÁC THIẾT BỊ DẠY HỌC CẦN THIẾT

- Bản đồ tự nhiên châu Á
- Tranh ảnh cảnh quan tự nhiên của Đông Nam Á.

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN BÀI HỌC

- Mở bài có thể đặt câu hỏi vì sao bài đầu tiên về khu vực Đông nam Á lại có tên : "Đông Nam Á – Đất liền và hải đảo" và cho hai HS phát biểu ý kiến. GV nhận xét và cho HS biết về phần đất liền gắn với lục địa Á và phần hải đảo

nằm ở vùng ranh giới giữa hai đại dương lớn và khẳng định mối quan hệ chặt chẽ giữa vị trí, lãnh thổ của khu vực với các đặc điểm tự nhiên mà HS sẽ tìm hiểu trong bài.

Mục 1. Vị trí và giới hạn khu vực Đông Nam Á

GV cho HS biết để giải quyết nhiệm vụ của bài cần sử dụng kiến thức và lược đồ của một số bài đã học, xác định phương hướng, tọa độ địa lí của khu vực, từ đó tìm hiểu đặc điểm khí hậu, thủy văn, thực vật của khu vực.

GV yêu cầu từng HS sử dụng hình 1.2 và 5.1 SGK để nhận biết vị trí của Đông Nam Á. Sau đó nếu có bản đồ các nước châu Á (có hệ thống kinh, vĩ tuyến) cho hai HS lên bảng sử dụng bản đồ đó để xác định lại vị trí giới hạn của khu vực, chỉ các điểm cực – điểm xa nhất về phía bắc, nam, đông, tây, đọc tọa độ địa lí của các điểm đó. GV cho HS nhận biết vị trí, đọc tên năm đảo lớn của khu vực ; vị trí, tên hai đại dương lớn bao quanh khu vực ; vị trí châu Á và châu Đại Dương mà Đông Nam Á tạo thành cầu nối giữa chúng.

Hướng dẫn HS xác định các điểm cực.

GV nên bổ sung thêm để HS biết về chuyến đi biển đầu tiên vòng quanh thế giới trước đây đã từng đi qua khu vực này và ngày nay Xin-ga-po là địa điểm trung chuyển của cả đường hàng không và đường biển. Cảng Xin-ga-po là một trong những cảng tốt nhất thế giới với khoảng gần 700 công ti đang sử dụng và nối với trên 700 cảng trên thế giới. Trung bình hàng năm có 33000 tàu biển ghé qua cảng này. Sân bay Chang-ghi của nước này hiện nay cũng đứng hàng đầu thế giới với đội bay lớn trên 50 máy bay Bô-ing 747, thiết kế đẹp và bay an toàn.

Kết quả, HS cần chỉ ra được giới hạn của khu vực Đông Nam Á ; phân biệt phần đất liền (bán đảo Trung Ấn) ; phần hải đảo (quần đảo Mã Lai) ; chỉ vị trí, đọc tên 5 đảo lớn ; nêu tên, vị trí các đại dương, châu lục để giải thích được vị trí cầu nối của Đông Nam Á. Có thể cho HS đọc tên một số biển của khu vực (Biển Đông, biển Gia-va, biển Xu-lu,...).

Mục 2. Những nét chung của tự nhiên Đông Nam Á

GV cho HS biết mục này HS cần khai thác thông tin từ lược đồ, bản đồ, làm việc với biểu đồ, đoạn văn trong bài, liên hệ kiến thức đã học để giải thích một số đặc điểm tự nhiên của khu vực.

Có thể cho HS làm việc cá nhân hoặc nhóm (các nhóm số chẵn tìm hiểu về đặc điểm tự nhiên của bán đảo Trung Ấn ; các nhóm số lẻ tìm hiểu đặc điểm tự nhiên quần đảo Mã Lai) lần lượt theo các yêu cầu của SGK với các nội dung cụ thể về đặc điểm từng yếu tố tự nhiên của khu vực.

– **Địa hình** : HS đọc lược đồ, đọc đoạn văn trong SGK để có được thông tin về :

+ Núi và cao nguyên, chiếm phần lớn diện tích, các dải núi : Hoàng Liên Sơn, Trường Sơn có hướng tây bắc – đông nam, Luông Pha-băng, Tan, A-ra-can có hướng bắc – nam ; các dãy Đăng-rếch, Các-đa-môn và núi trên các đảo thường có hướng đông – tây. Các cao nguyên : Hủa Phan, Cò Rạt, San.

+ Thung lũng sông cắt xẻ sâu vào vùng núi, cao nguyên nên địa hình bị chia cắt mạnh.

+ Đồng bằng phù sa châu thổ ở hạ lưu sông và ven biển.

+ Núi lửa trên một số đảo do vỏ Trái Đất ở khu vực này không ổn định.

GV bổ sung núi có độ cao không lớn thường khoảng 2000-3000m mặc dù là những dải núi nối tiếp dãy Hi-ma-lay-a cao và đồ sộ nhất thế giới ; đất phù sa màu mỡ của các đồng bằng thuận lợi cho hoạt động sản xuất nông nghiệp.

– **Khí hậu** : HS nhận xét lược đồ và biểu đồ theo các yêu cầu sau :

+ Vị trí địa lí của khu vực : trong vòng đai xích đạo và nội chí tuyến, do đó khu vực có khí hậu nóng là chủ yếu.

+ So sánh biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của hai địa điểm :

* Nhiệt độ : đều cao quanh năm, ở Y-an-gun có sự chênh lệch 6-7 độ ;

* Lượng mưa ở Pa-đăng lớn hơn, mưa quanh năm ; ở Y-an-gun có mùa mưa nhiều (tháng 5-9) và mùa mưa ít (tháng 11- 4 năm sau).

* Từ đặc điểm trên, HS suy luận : Pa-đăng ở vùng xích đạo ; Y-an-gun ở vùng nhiệt đới gió mùa.

* HS tìm vị trí của 2 địa điểm trên lược đồ theo kí hiệu : Y – Y-an-gun thuộc Mi-an-ma ; P – Pa-đăng, thuộc In-đô-nê-xi-a.

+ Để nhận biết nguyên nhân của sự khác nhau về lượng mưa giữa hai địa điểm này, yêu cầu HS nhận xét tiếp các mũi tên chỉ các loại gió ảnh hưởng đến khu vực : gió mùa mùa hạ, gió mùa mùa đông và đọc đoạn văn trong SGK giải thích hiện tượng gió mùa. GV lưu ý gió đổi hướng khi vượt qua Xích đạo do chịu ảnh hưởng của lực Cô-ri-ô-lit (ở nội chí tuyến, bán cầu Bắc theo hướng từ đông bắc tới tây nam ; bán cầu Nam từ đông nam tới tây bắc).

– **Sông** : 5 sông lớn trên lược đồ là sông Hồng, Mê Công, Mê Nam, Xa-lu-en, I-ra-oa-đi ; các sông đều bắt nguồn từ vùng núi phía bắc của khu vực và cả vùng núi trên lãnh thổ Trung Quốc ; chảy theo hướng bắc – nam và tây bắc – đông nam là chính ; mưa là nguồn cung cấp nước chủ yếu cho các sông. Các sông ở đảo nằm trong vòng đai xích đạo, mưa quanh năm nên có chế độ nước điều hoà.

– **Cảnh quan** : HS liên hệ với kiến thức đã học để nêu đặc điểm và giải thích về rừng rậm nhiệt đới : quanh năm xanh tốt, nhiều tầng cây cao, cây thấp, dây leo chằng chịt. Sự phát triển của rừng liên quan mật thiết với khí hậu. HS cần liên hệ với đặc điểm khí hậu nhiệt đới là chủ yếu của khu vực để giải thích sự phân bố của rừng rậm nhiệt đới ; nơi có khí hậu gió mùa với mùa khô, mùa mưa phân biệt rõ ràng sẽ xuất hiện rừng rụng lá mùa khô hoặc rừng thưa xen đồng cỏ.

Sau khi HS đã thu thập được thông tin GV yêu cầu 2 HS lần lượt trình bày lại kết quả một cách ngắn gọn. Cuối cùng yêu cầu HS nhận xét về thuận lợi và khó khăn của các điều kiện tự nhiên đối với sản xuất, bổ sung tài nguyên khoáng sản của khu vực.

Nếu HS làm việc theo nhóm, GV yêu cầu đại diện các nhóm số lẻ và số chẵn lên trình bày miệng hoặc tốt nhất ghi kết quả làm việc trên bảng (theo khung GV chuẩn bị sẵn) như sau :

Đặc điểm	Bán đảo Trung Ấn	Quần đảo Mã Lai
Địa hình	Chủ yếu núi, cao nguyên, hướng núi B-N, TB-ĐN. Bị chia xẻ mạnh bởi các thung lũng sông. Đồng bằng châu thổ, ven biển.	Chủ yếu núi, hướng Đ – T ; ĐB – TN ; núi lửa. Đồng bằng ven biển nhỏ hẹp.
Khí hậu	Nhiệt đới gió mùa. Bão	Xích đạo và nhiệt đới gió mùa. Bão
Sông ngòi	5 sông lớn, bắt nguồn từ vùng núi phía bắc, chảy theo hướng bắc – nam, mưa cung cấp nước nên có chế độ nước theo mùa mưa.	Sông ngắn, đa số có chế độ nước điều hoà do mưa quanh năm.
Cảnh quan	Rừng nhiệt đới, rừng thưa rụng lá vào mùa khô, xa van.	Rừng rậm nhiệt đới.

Nội dung trả lời các câu hỏi đều đã có trong SGK.

Câu 3 cần trả lời như sau : Sông Mê Công chảy từ Trung Quốc qua Mi-an-ma, Thái Lan, Lào, Cam-pu-chia và Việt Nam, đổ ra Biển Đông ; cửa sông thuộc địa phận Việt Nam. Chế độ nước sông thay đổi theo mùa do phần lớn chiều dài của sông chảy trong khu vực nhiệt đới gió mùa, nguồn nước chính cung cấp cho sông là nước mưa.